

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/DSST – ST
Ngày: 06 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thắng và ông Phan Hải Phú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2024/TLST-TCDS ngày 23 tháng 7 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-TCDS, ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng T; địa chỉ: tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh H; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T, chi nhánh Bắc Quảng Bình.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Việt H - Chuyên viên Phòng quản lý rủi ro Ngân hàng T, chi nhánh Bắc Quảng Bình

Địa chỉ: 332A Quang Trung, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng T (Ngân hàng) trình bày:

Ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X đã ký với Ngân hàng các Hợp đồng

tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 01/2022/6953906/HĐTD ngày 28/06/2022 để vay và rút vốn số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay: 84 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 8,5%/năm; mục đích vay: Tiêu dùng; Hợp đồng tín dụng số 01/2023/6953906/HĐTD ngày 27/06/2023 để vay và rút vốn số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 9,5%/năm; mục đích vay: Tiêu dùng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của mình, ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X đã sử dụng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 122490, vào sổ cấp GCN số CH10221 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 30/11/2016 cho ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021/6953906/HĐBĐ ngày 23/07/2021, đã được ký kết giữa ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X với Ngân hàng, đã được Văn phòng Công chứng Nhất Tín chứng nhận ngày 23/07/2021, số công chứng 6814, quyền số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Q ngày 23/07/2021 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/6953906/HĐTC ngày 23/07/2021 đã được ký kết giữa ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X với Ngân hàng

Trong quá trình quan hệ tín dụng tại Ngân hàng, ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X chỉ trả được 136.946.090 đồng tiền gốc, 84.590.411 đồng tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 182.521 đồng của Hợp đồng tín dụng số 01/2022/6953906/HĐTD ngày 28/06/2022 và đã trả 29.194.521 đồng tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 01/2023/6953906/HĐTD ngày 27/06/2023, đến nay ông N, bà X đã không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết và để phát sinh nợ quá hạn (Thời điểm phát sinh nợ quá hạn tại Ngân hàng là ngày 15/11/2023) với dư nợ tính đến ngày 06/9/2024 là: 1.626.855.453 đồng (trong đó nợ gốc là 1.513.053.910 đồng, nợ lãi trong hạn là 111.684.162 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.117.381 đồng).

Vì vậy, để đảm bảo việc thu hồi nợ vay cho Nhà nước, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 06/9/2024 là: 1.626.855.453 đồng (trong đó: nợ gốc là 1.513.053.910 đồng, nợ lãi trong hạn là 111.684.162 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.117.381 đồng) và toàn bộ số tiền lãi và phí phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký, cho đến khi ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X thanh toán toàn bộ số nợ chưa trả theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, đồng thời yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã nêu trên để thu hồi nợ vay. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết dư nợ vay thì ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X trình bày:

Ông, bà nhất trí như ý kiến của Ngân hàng trình bày về quá trình vay nợ và thế chấp tài sản của vợ chồng ông, bà với Ngân hàng. Tuy nhiên, trong quá trình vay vốn, do gia đình gặp khó khăn nên ông, bà chưa trả nợ được nợ cho Ngân hàng và để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 15/11/2023. Tính đến ngày 06/9/2024, ông, bà còn dư nợ tổng số tiền của cả hai Hợp đồng là: 1.626.855.453 đồng (trong đó: nợ gốc là 1.513.053.910 đồng, nợ lãi trong hạn là 111.684.162 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.117.381 đồng)

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông, bà trả toàn bộ nợ gốc và lãi thì ông, bà xin được trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng tiền gốc cho đến khi trả hết nợ và đề nghị Ngân hàng giảm lãi cho ông, bà.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự thỏa thuận với nhau vấn đề sau: Về khoản nợ, phương án trả nợ, xử lý tài sản thế chấp, chi phí tố tụng.

- Không thỏa thuận được với nhau về án phí: Ông N và bà X không nhất trí nộp thay phân án phí cho Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông N, bà X chịu toàn bộ án phí.

- *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

+ Về thủ tục tố tụng: kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào nội dung các hợp đồng mà các bên tham gia ký kết và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 317, 318, 319, 320, 322, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

+ Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận, tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về khoản nợ, phương án trả nợ, xử lý tài sản thế chấp, chi phí tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các vấn đề này.

+ Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí. Tuy nhiên, bị đơn thuộc đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” để miễn án phí cho bị đơn. Ngân hàng không

phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu của nguyên đơn, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Ngân hàng với ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng và ông Hoàng Văn N, bà Nguyễn Thị X thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn để giải quyết tranh chấp nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ tính đến ngày 06/9/2024 với số tiền 1.626.855.453 đồng (trong đó: nợ gốc là 1.513.053.910 đồng, nợ lãi trong hạn là 111.684.162 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.117.381 đồng) theo các Hợp đồng tín dụng số 01/2022/6953906/HĐTD ngày 28/06/2022 và Hợp đồng tín dụng số 01/2023/6953906/HĐTD ngày 27/06/2023. Tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ vay theo cam kết tại các Hợp đồng tín dụng. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết dư nợ vay thì ông N và bà X có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 463 Bộ luật Dân sự. Mặt khác, Bị đơn ông N, bà X nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về khoản nợ và thỏa thuận về phương án trả nợ.

Hội đồng xét xử thấy rằng, sự thỏa thuận giữa ông N và bà X với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự; hình thức và nội dung của các hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 119, 398, 463 Bộ luật Dân sự; Hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự nên cần được công nhận như sau:

- Về khoản nợ: Tính đến ngày 06/9/2024, ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X còn nợ Ngân hàng số tiền 1.626.855.453 đồng (trong đó: nợ gốc là 1.513.053.910 đồng, nợ lãi trong hạn là 111.684.162 đồng, nợ lãi quá hạn là

2.117.381 đồng) theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Về phương án trả nợ: Ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X trả nợ cho Ngân hàng mỗi tháng 30.000.000 đồng tiền nợ gốc (chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng), kể từ tháng 9/2024; chậm nhất ngày 30/9/2027 ông N, bà X phải tất toán toàn bộ khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

[2.2] Về xử lý tài sản thế chấp: Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận trường hợp ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X thanh toán toàn bộ số nợ chưa trả theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, đồng thời yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tháo dỡ phần hiên nhà, cổng nhà lấn ra đường giao thông 4m² nằm ở cạnh phía Đông của thửa đất để xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 221, tờ bản đồ số 61 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 122490, vào sổ cấp GCN số CH10221 do UBND huyện Q cấp ngày 30/11/2016, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021/6953906/HĐTC ngày 23/07/2021 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/6953906/HĐTC ngày 23/07/2021 đã được ký kết giữa ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X với Ngân hàng để thu hồi toàn bộ nợ.

Xét thấy, hình thức và nội dung của các Hợp đồng thế chấp nhằm đảm bảo khoản vay giữa các bên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật; sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn phù hợp nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các bên về xử lý tài sản thế chấp như trên.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X thỏa thuận chịu toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; do Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền này nên ông N, bà X thỏa thuận trả lại số tiền 3.000.000 đồng cho Ngân hàng.

[4] Về án phí: Tại phiên tòa, ông N, bà X không chịu nộp thay phần án phí cho Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông N, bà X chịu toàn bộ án phí.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên Ngân hàng không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Theo quy định ông N, bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên ông N, bà X là đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí có chính quyền địa phương xác nhận nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã

B là có căn cứ chấp nhận.

[6] về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 116, 117, 119, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 357, 401, 463 Bộ luật Dân sự; các Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về khoản nợ: Tính đến ngày 06/9/2024, ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X còn nợ Ngân hàng T số tiền 1.626.855.453 đồng (trong đó: nợ gốc là 1.513.053.910 đồng, nợ lãi trong hạn là 111.684.162 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.117.381 đồng)

1.2. Về phương án trả nợ: Ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ nói trên và số tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo lộ trình như sau: Từ tháng 09/2024 mỗi tháng ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X trả nợ cho Ngân hàng T số tiền là 30.000.000 đồng/tháng (thời gian trả vào ngày 25 hàng tháng). Chậm nhất ngày 30/9/2027, ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X phải trả hết toàn bộ các khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng T

“Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (06/9/2024), cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết”

1.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X thanh toán toàn bộ số nợ chưa trả theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, đồng thời yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tháo dỡ phần hiên nhà, cổng nhà lẫn đường giao thông 4m² nằm ở cạnh phía Đông của thửa đất để xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 221, tờ bản đồ số 61 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 122490, vào sổ cấp GCN số CH10221 do UBND huyện Q cấp ngày 30/11/2016 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021/6953906/HĐBĐ ngày 23/07/2021 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/6953906/HĐTC ngày 23/07/2021 đã được ký kết giữa ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X với Ngân hàng để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi

1.4. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X thỏa thuận trả lại số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tài sản cho Ngân hàng T.

2. Về án phí: Ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị X được miễn án phí. Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.060.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003392 ngày 9/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/9/2024).

4. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà